VIỆT-NAM CHÍ-SĨ

ĐÀO TRINH-NHẤT

PHAN ĐÌNH PHÙNG

NHÀ LÃNH-ĐẠO 10 NĂM KHÁNG-CHIẾN (1886 — 1895) Ở NGHỆ-TĨNH

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

TRI-SỨ. — 20, AMIRAL COURBET (ÉTAGE N° 2) SAIGON

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : PHAN ĐÌNH-PHÙNG
MỘT NHÀ LÃNH-ĐẠO 10 NĂM KHÁNG-CHIẾN
(1886-1895) Ở NGHỆ TĨNH
Tác giả : ĐÀO TRINH-NHẤT
Nhà xuất bản : TÂN VIỆT
Năm xuất bản : 1950

Nguồn sách : tusachtiengviet.com
Đánh máy : doraemin

Kiểm tra chính tả : Phạm Thị Hồng Khánh, Nguyễn Chinh,
love it, Vũ Thị Xuân Hương, Phạm kim Dung,
Lưu Nguyễn Thị Hợp, Ngô Hương,
Nguyễn Thanh Hải, Đỗ Thúy Nhi

Biên tập chữ Hán – Nôm : Trần Tú Linh
Biên tập ebook : Thư Võ
Ngày hoàn thành : 04/08/2018

Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG

Cảm ơn tác giả ĐÀO TRINH-NHẤT và nhà xuất bản TÂN VIỆT đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.

MỤC LỤC

I. MỘT LÀNG NHIỀU MŨ CÁNH CHUỒN
II. TOAN LIỀU CHẾT VÌ CHƯA ĐƯỢC ĐI THI
III. RA LÀM QUAN
IV. VIỆC LOẠN Ở TRONG TRIỀU SAU KHI VUA TỰ-ĐỨC MẤT
V. VUA THUA CHẠY DÀI
VI. THỜI THẾ TẠO ANH HÙNG
VII. MẠT-LỘ CỦA THIÊN TỬ
VIII. CAO THẮNG
IX. Ở BẮC VỀ
X. NÚI VỤ-QUANG
XI. CHÂU-CHẤU ĐÁ VOI
XII. MỘT NGƯỜI ĐÀN-BÀ
XIII. VIỆC BẮT TUẦN-PHỦ ĐINH NHO-QUANG
XIV. Ô-HÔ CAO-THẮNG
XV. HOÀNG CAO KHẢI
  BỨC THƯ CỦA HOÀNG CAO KHẢI
  BỨC THƯ CỤ PHAN TRẢ LỜI
XVI. NGUYỄN THÂN LUI VỀ NÚI ĐẠI-HÀM
  MỘT THẦY ĐỒ GAN TỰ XƯNG LÀ VUA
XVII. ANH-HÙNG MẠT LỘ
  TƯỚNG SĨ ĐỀU TUỐT GƯƠM RA XIN ĐÁNH MÀ CHẾT
  ĐẤT BÙN LÀ VẬT ĐỠ ĐẠN CỦA TA
XVIII. THIẾU CHÚT NỮA CỤ PHAN BỊ BẮT SỐNG
XIX. VỤ QUANG SƠN HUYẾT CHIẾN
XX. BA CHÌM BẢY NỔI CHÍN LINH-ĐINH

XXI. CHẾT Ở GIỮA RỪNG

VIỆT-NAM CHÍ-SÍ

ĐÀO TRINH-NHẤT

PHAN ĐÌNH-PHÙNG

MỘT NHÀ LÃNH-ĐẠO 10 NĂM KHÁNG-CHIẾN
(1886-1895) Ở NGHỆ TĨNH

IN LẦN THỨ BA

CÓ NHIỀU ĐOẠN BỎ THÊM TÀI-LIỆU
TRƯỚC KIA CHƯA TÌM THẤY

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

TRỊ SỰ – 20, AMIRAL COURBET
(ÉTAGE N.2) SAIGON

I. MỘT LÀNG NHIỀU MŨ CÁNH CHUỒN

TRẬN đánh sau cùng với quân Pháp là trận ở Huế đêm 23 tháng 5 năm Ất-dậu (1885), quân đội chính qui của triều-đình Việt-nam cũng thất bại nốt.

Thành mất vua chạy.

Bây giờ chống với Pháp chỉ là văn-thân với dân-binh.

Người này đánh một hai trận, nhóm kia giữ được đôi ba năm rồi cũng tan vỡ.

Duy còn một người cố gắng cưỡng lại, triệu tập ít nhiều anh em đồng-chí, rót dầu nhiệt-huyết vào trong cây đèn dân-tộc tự-lập, khêu cao ngọn lửa ái-quốc còn bừng đỏ lên ở một góc Hà-tĩnh – Quảng-bình mười năm sau nữa mới tắt.

Ấy là Phan Đình-Phùng.

Người làng Đông-thái, huyện La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh. Phan Đình-Phùng sinh năm Đinh-mùi (1847), dòng dõi nhà nho.

Đông-thái vốn là một làng nổi tiếng nhất trong tỉnh Hà-tĩnh, vì xưa nay có người đậu đạt lớn, làm quan to rất nhiều. Khởi lên từ đời nhà Lê, phát một ông Quận-công, nhà giàu có lớn, hay làm việc phúc-đức, dân trong địa-phương đều được nhờ cậy, cho nên người ta sùng bái lắm, tôn ông là « Kiều Quận-công ».

Đến đời gần đây, làng Đông-thái lại càng đại-phát, thi đậu hay làm quan cũng vậy. Tức như Quận-công Hoàng Cao-Khải, và hai tổng-đốc Hoàng Mạnh-Trí, Hoàng Trọng-Phu, ba cha con hiển-hách một thời ; còn nhớ lúc ông quận Hoàng

bày tiệc thọ bẩy mươi, có người mừng câu liễn như vầy đúng lắm : *« Con cái một nhà hai tổng-đốc, Pháp Nam hai nước một công-thần »*.

Họ Phan thì từ ông Phan Như-Tính, làm tổng-đốc tỉnh Hải-dương hồi còn thuộc về Nam-triều và chính là thầy học của cụ Phan Đình-Phùng cho tới các ông tiến-sĩ Phan Đình-Du, Phan Trọng-Mưu, Phan Huy-Nhuận v.v… đều là người đồng hương và đồng thời với cụ Phan.

Người ta vẫn bảo hai cái thái-cực không gặp nhau. Đằng này chúng ta thấy hai cái thái-cực cùng ở một làng Đông-thái : Họ Hoàng phò-tá Bảo-hộ được vinh-hiển đến tột bậc, họ Phan chống-cự Bảo-hộ cũng quyết-liệt tột-bậc !

Họ Phan, từ thủy-tổ ở đời Lê, truyền đến Đình-Phùng là 12 đời, mà đời nào cũng có người thi đậu lớn, làm quan to, cho nên người ta thuở trước đã từng đặt tên cho xóm họ Phan ở là « Ô-y hạng », tỏ ý là một xóm toàn người đậu đạt cao sang.

Ông thân sinh ra Phan Đình-Phùng là Phan Đình-Tuyển, đậu phó-bảng khoa giáp-thìn (1814) về thời vua Thiệu-trị. Làm quan tới Phủ-doãn phủ Thừa-thiên, sau vâng mệnh vua sai ra Bắc làm chức Tán-lý quân-vụ giẹp giặc ở tỉnh Lạng-sơn, bị tử-trận.

Phan Đình-Phùng có năm anh em đồng-bào.

Anh cả là Phan Đình-Thông, đậu tú-tài, làm Phó-quản-đốc một đội thuyền chiến ; thứ hai là Phan Đình-Thuật, đậu cử-nhân làm Giáo-thọ, thứ ba là Phan Đình-Tuấn mất sớm : cụ tức là thứ tư ; còn người em út là Phan Đình-Vận, đậu Phó-

bảng làm Tri-phủ. Cụ lại còn hai em khác mẹ nữa, nhưng không ai thành đạt gì.

Phan Đình-Phùng phu-nhân là con gái một quan-phủ ở làng Thọ-tường cũng thuộc về tổng Việt-yên, lấy cụ sinh ra được bốn người con trai. Về sau, phu-nhân và mấy người con trai lớn, đều mất sớm về bệnh điên, nhằm lúc Phan đang cầm quân kháng-cự binh Pháp ở núi Vụ-quang, cho nên cụ đã có câu than-thở : « Mình sinh gặp phải lúc gia biến, quốc-biến, thê-biến, tử-biến ».

Trong bốn người con trai của cụ, duy có người sót lại là Phan Đình-Cừ có tiếng thông-minh can đảm.

Phan Đình-Cừ tự là Bá-Ngọc, hồi nhỏ theo cụ ở luôn trong quân. Đến năm Bính-thân (1896), nghĩa là sau khi cụ mất một năm, thì trốn đi du-học ở Nhật-bản, đứng vào hạng thanh-niên anh-tuấn trong đám Việt-nam chí-chĩ vong mệnh qua Đông-kinh lúc bấy giờ. Nhiều người tưởng chắc mai sau Bá-Ngọc có thể nối được chí lớn của cha. Nhưng về sau xoay đổi xu-hướng, có lẽ suy nghĩ việc nước không thể cứu lại được nữa, dầu có làm gì, chẳng qua cũng như « *dạ tràng xe các biển đông, nhọc lòng mà chẳng nên công chuyện gì* », rồi người ta thấy Nguyễn Bá-Trác về trước đưa Bá-Ngọc về sau, quy-thuận chính-phủ Bảo-hộ.

Tôi nhớ có một lần được gặp Bá-Ngọc ở Hà-nội, nét mặt tỏ ra người hiền-lành cứng cỏi ; nhưng hỏi chuyện chi cũng ngập-ngừng không muốn nói ra ; hình như có một tâm-sự gì uẩn-khúc khó nói lắm vậy. Lúc ấy sau cuộc Âu-chiến 1914-1918 vừa tan ít lâu.

Cách sau đó một năm, nghe tin Bá-Ngọc lại đi sang Tàu, song lần này đi một cách đường hoàng. Không biết Bá-Ngọc lại đi như thế có mục-đích gì, chỉ biết cuối năm 1921, có tin ngoài báo về rằng một hôm Bá-Ngọc đang dạo chơi ở Hồng-khẩu công-viên tại Thượng-hải, thình-lình bị một người cầm súng lục chĩa ngay Bá-Ngọc mà bắn bảy phát chết tươi. Không nói, ai cũng đủ biết người bắn Bá-Ngọc chính là một người đồng-bào Việt-nam.

Nhân đó, mà đương-thời có dư-luận phân-vân nổi lên, kẻ bàn vầy, người nói khác. Nhưng mà thôi ! chúng ta nên để người dưới suối vàng yên-nghỉ là hơn.

*

Cụ Phan lại còn một bà vợ thứ nữa, tức là em ruột ông Lại-bộ Tham-tri Trần-Trạm. Bà này về ở với cụ sinh được một người con trai tên là Phan Đình-Cam mất sớm ; sau lại sinh hạ một người trai nữa, hồi 1925-1926, tôi tới Hà-tĩnh nghiên-cứu tài-liệu để viết cuốn sách này, được thấy bà và cậu thứ-nam đó ở làng Đông-thái. Sau đó tới giờ, tin-tức ra sao không rõ.

Hồi cụ Phan cầm quân khởi nghĩa, những lúc lên ghềnh xuống thác, xông pha hòn đạn mũi gươm, sớm tối đều có bà truy-tùy ở trong quân cho tới khi chung cuộc, nên người ta gọi bà là « *cô nguếch rừng* ». *Nguếch* là một tiếng ở Nghệ-Tĩnh dùng để chỉ người đàn-bà nào đẻ con đầu lòng là gái ; rừng cốt để chỉ tỏ rằng bà theo hầu cụ Phan ở trong rừng rú vậy.

*

Đáng tiếc những giấy tờ và thủ-bút của họ Phan bị tiêu-tán thất-lạc hết sạch. Phần thì mất ngay trong lúc binh hỏa bôn-ba, phần thì mất bởi những dư-đảng bị hàng đầu bắt bớ, những nhà đồng-chí bị khám xét tịch-thâu. Có nhà phải ngậm-ngùi tự-động đốt đi, kẻo sợ liên-lụy. Phải biết, với khâm-sai Nguyễn-Thân lúc bấy giờ, một chữ của Phan Đình-Phùng còn nằm sót lại ở trong tay ai, cái đầu người ấy chỉ là củ chuối !

Thành ra công việc sưu-tầm tài-liệu nhiều nỗi gian-nan.

Còn chăng, chỉ là năm ba mảnh đoạn-giản tàn-biên, mực đã mờ, giấy đã nát. Đến nỗi ống kính hòm ảnh phải từ-chối, không chịu bắt sáng, và nếu ta đưa lên nặng tay, sợ giấy rời-rã. Nhưng mấy cái di-tích mong-manh sứt-mẻ ấy cũng còn lập-lòe chút ít tia sáng để cho kẻ sưu-tầm có thể hiểu thêm được ít nhiều về quân-sự bố-trí của cụ Phan. Và một đôi phần về ý-kiến cụ đối với thời-cuộc.

*

Có người nói sinh thời cụ Phan cũng nghiện nha-phiến. Tôi không thể tin. Mặc dầu bảo đó là sự mục-kích của một vị cố lão, người Bắc, đã truy tùy cụ Phan rất lâu và mới qua đời ở Hà-nội độ dăm năm nay.

Những bậc kỳ-cựu đáng kính ở đất Lam-Hồng mà tôi đã được phỏng-vấn, xưa kia hoặc đồng-niên cộng-sự, hoặc giao-thiệp thân-mật với cụ Phan, không nghe một ai nói cụ có cái ác-tật đó.

Vẫn biết thuở ấy người Anh đã đem súng bắn đạn thuốc phiện vào nước Tầu (Nha-phiến chiến-tranh năm 1840) và

tất người Tầu đã truyền bá sang bên ta rồi, nhưng vua ta có lệnh cấm đoán rất nghiêm. Thật thế, quân-chủ Việt-Nam ngày xưa không nỡ lòng lợi dụng món thuế thuốc độc hại dân để làm một nguồn lợi cho công-khố.

Hai triều Thiệu-trị, Tự-đức, vua nhiều lần hạ dụ cấm ngặt quan lại hút nha-phiến, ai không tuân lệnh có thể bị cách chức và kết án bị đồ, bị lưu.

Cụ Phan là một nhà nho trì-trọng, một vị quan thanh-liêm mực-thước, không lẽ đâu tự hại sức khỏe mình và phạm phép nhà vua ?

Hay là năm ba tháng trước khi anh-hùng mạt-lộ, cụ Phan ta ở quân-thứ mắc phải bênh lị trầm trọng, không chừng trong bộ-hạ có kẻ hiến kế dùng một vài điếu thuốc-phiện để họa may cứu nguy, rồi những người bàng-quang vì đấy tưởng rằng bình-thời cụ vẫn có cái lạc-thú ấy chăng ?

II. TOAN LIỀU CHẾT VÌ CHƯA ĐƯỢC ĐI THI

NHỮNG người được gần cụ Phan, đều nói cụ tướng mạo rất xấu, nếu cứ lấy ngoài da mà xét người, thì không có ai ngờ đâu về sau cụ làm nên được anh-hùng. Nhà tướng số nói cụ chỉ khác người được một quý tướng, là khi nằm ngủ thì mình-mẩy ửng đỏ hồng-hào lên, đó là một tướng lạ.

Thuở còn nhỏ, đi học đần-độn tối-tăm, đến nỗi học trước quên sau, thầy học đã nói mai sau tất Phùng không làm gì nên thân. Nhưng cụ nhờ có tính rất tự-hùng, thấy anh em mình ai cũng thông-minh học giỏi, thì lấy làm phẩn-uất vô cùng, cố gắng học để theo kịp mới nghe.

Thành ra ròng-rã trong bốn năm năm, trong tay không rời quyển sách, chân không bước ra đường, chỉ mài-miệt nơi án sách ngọn đèn, quyết chí lập được công-danh sự-nghiệp. Cậu bé thường nói với bạn đồng học : « Ta cố học để mai sau chiếm được khôi-nguyên mới nghe ».

Chẳng qua cũng chí-khí khoa-cử như ai ! Cố-nhiên, thời-đại nào kỷ-cương ấy. Thời-đại thường uốn chí-khí con người theo khuôn của nó, mấy ai hồ-dễ thoát được ra ngoài.

Nước ta, từ đời nhà Trần, cách kén chọn nhân-tài, chỉ có từ-chương khoa-cử. Ai không ở trong vòng đó bước ra thì không thể là nhân-tài, mà cũng khó có ngõ nào để xuất-thân cho được.

Cái lối từ-chương khoa-cử, truyền về đời sau, chẳng

những không bớt đi mà lại càng thêm bày vẽ thịnh-hành lên mãi.

Sau khi vua Gia-Long vừa thống-nhất trong nước xong, tức thời gươm dáo xếp xó, thi phú lên đàn. Vua quan làm gương và khuyến-khích dân : luôn mấy triều Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự-đức, toàn là *Thiên-tử thi-phú* ; bầy tôi danh-vọng như Hà Tôn-Quyền, Doãn-Uẩn, toàn là *quân-thần từ-chương.* Vua tôi chỉ tưởng trong nước có bờ cõi, có nhân-dân, thế là trời Nam định phận, không biết bên ngoài có cường-lân, có địch-quốc, thường để mắt đến ta. Mọi việc khư-khư chẳng chịu cải-cách. Quan-ải không khai, cửa bể đóng chặt, thời-thế chẳng hiểu, võ-bị lôi-thôi, triều-đình chỉ lo ngâm thi đặt phú với nhau, tưởng đâu « mấy vần thi phú » cho hay, đủ sức trị dân giữ nước. Kén người, thì khinh võ-bị mà trọng văn-chương. Dạy dân, thì bỏ thực-học mà chuộng khoa-cử. Bởi thế, người đời ấy ai không học từ-chương không nên người, học mà không thi đậu cũng không nên người, thi đậu mà không làm được quan cũng không nên người.

Giữa lúc thiên-hạ đâu đó văn-minh tiến-hóa rầm rầm, kẻ thì đang ra tay chinh-phục đất xa, người thì biết lo thân tự-cường cải-cách, thế mà ở nước mình, vua quan vẫn kềm giữ nhân-dân ở chặt trong vòng học cũ thói xưa. Người ta lo mở-mang những thương-mãi, những công-nghệ, những cơ-khí, những khoa-học, còn mình đây thì khi đứng, khi ngồi, khi tỉnh, khi mê, chỉ lo có một việc là từ-chương khoa-cử.

Chính nhà vua có trách-nhiệm sửa nước dạy dân, ôm giữ mãi chế-độ từ-chương khoa-cử, buộc dân phải theo đó mà đi, bảo rằng ai đi đến chỗ « khoa hoạn » mới là tới mục-đích

nhân-sinh, hễ ai đi trái con đường ấy, thì không ngõ xuất-thân nào khác. Tự-nhiên, những người ở dưới cái chế-độ giáo-hóa đó, bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu hy-vọng, bao nhiêu chí-khí, đều quanh-quất sa-đà, ở trong có bốn chữ ; bốn chữ ấy chia ra làm hai đoạn, là : thi đậu và làm quan.

Cụ Phan, sinh ra nhằm giữa hoàn-cảnh như thế, thì cách lập-chí xuất-thân của cụ trừ khoa-cử ra, không còn có đường nào hơn, vậy ta thấy cụ có cái chí « học quyết khoa », chẳng nên lấy gì làm lạ.

Vì lập-chí mai sau phải chiếm được giải khôi-nguyên, cho khỏi phụ lời mình đã nói cứng-cáp, đến nỗi có một phen Phùng đã liều chết.

Năm 21 tuổi cùng em là Phan Đình-Vận, thọ-nghiệp với ông bác là Phan Đình-Tuân, đậu tú-tài, gặp giữa năm ấy có khoa thi, Phùng năn-nỉ bà thân-mẫu đến xin bác cho mình được cùng em đi thi. Ông bác nói : « Phùng học hãy còn kém sút, nó chưa đi thi khoa này được, hãy đợi khóa sau ».

Cậu năn-nỉ xin đi thi không được, đâm ra bực mình phẫn-chí, lén sai đầy-tớ ra chợ mua một lượng hương-nhu là vị thuốc độc về, viện cớ mua để thử chế thuốc pháo, nhưng kỳ thật là đem trộn vào ly rượu, rồi gọi em là Phan Đình-Vận tới bảo rằng : « Sinh ra làm trai, cốt được học, học cốt đi thi, học mà không được đi thi, thì còn sống làm gì. Phen nầy anh liều chết cho rồi đời, nghe em ».

Em sợ quá, kiếm lời an-ủi can-ngăn mãi, song anh không nghe, một hai đòi uống thuốc độc tự-tử mà thôi. Cực chẳng đã, Phan Đình-Vận phải chạy mau mau tìm kiếm bà thân-

mẫu để nói cho bà nghe rằng anh Phùng đang uống rượu độc tự-tử. Trong khi ông Vận chạy đi kêu mẹ, Phùng đã uống thuốc độc mà mê-man bất-tỉnh rồi. Sau bà thân-mẫu tới, hô-hoán người nhà hàng xóm lại cứu-cấp. Họ lấy nước đậu xanh và cam-thảo cạy miệng ra mà đổ, một lúc lâu mới tỉnh. Ấy lúc nhỏ, vì chút khoa-danh mà Phan đã có can-đảm khinh sinh liều chết đến thế, thảo nào sau ra làm quan, mắng Tôn-thất Thuyết giữa triều-đình, cùng là khởi-nghĩa trong mười năm trời, lấy sức châu-chấu đá voi, tỏ ra một người can-đảm đầy mình, làm việc gì cũng toàn là coi chết như không.

Đến mãi khoa thi Bính-tí (1876) là năm cụ 39 tuổi, mới đậu cử-nhân. Qua năm sau (1877) vô kinh thi Hội, đậu Đình-nguyên Tiến-sĩ. Lời thề « thế nào cũng chiếm giải khôi-nguyên » ngày xưa, bây giờ làm được như nguyện vậy.

Phan tuy đậu Tiến-sĩ, nhưng tài học cũng chỉ ở trong bờ cõi từ-chương cử-nghiệp mà thôi, không phải là một nhà học-vấn uyên-bác lỗi-lạc, hay khua bút múa văn như người ta. Cho nên sinh bình không có sự-nghiệp gì về văn-chương ; suốt đời không có câu đối nào tuyệt, bài thi nào hay, lưu-hành ở đương-thời và truyền-tụng về sau.

Xem bài văn-sách thi Đình của cụ làm trong khoa thi đậu, cùng là sau này, những lúc cầm quân ở trong đám lửa giọc đạn ngang, rừng sâu núi thẳm, cũng có nhiều khi ngẫu hứng mà phát ra ngâm-vịnh, nhưng xem lời văn đều là thật-thà chất-phác thế thôi, không có vẻ chi hùng-hào hay xuất-sắc như văn-chương của nhiều nhà nho khác. Có khi một vài câu liễn, bài thi của cụ, người ta có thể không lấy làm thích ý nữa là khác.

Nhứt sanh cụ Phan lấy đức thuần-phác trung hậu làm gốc sự học, cho nên phát ra văn-chương cũng vậy. Lại được một tính-cách thật-thà mạnh dạn hơn người là điều gì biết thì nói biết, điều gì không biết thì nói ngay không biết, không có thói đấp-điếm lòe đời như ai. Đến nỗi khoa đi thi Đình, đầu bài chính tay vua ra, có vấn-đề nào cụ chưa học tới, chưa từng nghiên-cứu, thì trong bài làm, tới chỗ đó, cũng viết ngay rằng : « *sĩ vị tằng đọc, bất cảm mạo tấu* », nghĩa là : « *chỗ này tôi chưa học, tôi không dám tâu càn* ». Thế cho biết trong sự học của cụ có đức thận-trọng và tự-khiêm.

Sau làm nên được bậc người oanh-oanh liệt-liệt trong mười năm trời, nước non ỷ-thác, bạn phục dân theo, chính vì có dũng-cảm, có nghĩa-khí, hơn là vì có cờ biển Tiến-sĩ. Bởi thế ta xem cụ, đừng trông vào phương-diện văn-học. Vì cụ cũng là ông Nghè, nhưng không phải ông *Nghè hay chữ,* mà cốt là ông Nghè *yêu nước*.

III. RA LÀM QUAN

SINH-BÌNH, cụ Phan vốn có hai tính-cách đặc-biệt là : *thẳng* và *gan.*

Khi còn là học trò ở nhà quê, một làng bên cạnh đắp con dường đi xuyên thẳng qua làng Đông-thái, theo lẽ mê-tín phong-thủy của ta ngày xưa, thì việc mở con đường này tất-nhiên có hại cho cuộc lạc-nghiệp an-cư của dân Đông-thái ; nhưng không ai dám đứng lên cản trở. Cậu học trò Phùng ngang-tàng đảm-nhận việc ấy. Cậu xách gươm ra, ngồi lì ở bên đường, nói rằng hễ ai đi qua đường này thì chém chết. Thế mà con đường ấy sau phải bỏ rêu phong cỏ mọc, không ai lai-vãng nữa.

Nhân có bổn-tính khảng-khái cang-cường như vậy, cho nên lúc ra làm quan, phàm gặp việc gì ngang tai trái mắt, mà thiên-lương bảo phải làm để sửa lại, là mạnh-bạo làm ngay, dẫu biết rằng làm việc đó sẽ có hại đến tước-lộc hay nguy hiểm đến tính-mệnh mình cũng mặc.

Cụ làm quan, không như những kẻ tham quyền cố vị kia, động gặp việc gì khó khăn – mà chính là việc nên làm và chính họ có sức làm được – thì co đầu thụt cổ lại không dám làm. Rất đỗi có khi không dám mở miệng ra để nói lẽ phải nữa. Trong ý họ chỉ lo sợ nếu như việc phải đó mà mình làm ra hay nói ra, e thiệt-hại cho vợ con mình, thân danh mình, sẽ mất cả áo ấm cơm no, lên xe xuống võng. Họ nghĩ thà cứ chiều đời ngậm miệng cho được vinh thân phì gia là hơn.

Trái lại, cụ Phan không phải là hạng làm quan như thế.

Bởi vậy, khi làm Tri-phủ Yên-khánh ở Ninh-bình, thấy một ông cố-đạo bản-xử hay ỷ thế tôn-giáo, hà-hiếp lương-dân, cụ Phan không kiêng-nể ngần-ngại gì, cứ việc hô lính đè cổ giáo-sĩ đó xuống hỏi tội và đánh thẳng tay.

Giáo-sĩ bị trận đòn ấy tức là cụ Trần-Lục, tục gọi là cụ Sáu, mấy năm sau nhờ thế lực Pháp mà được triều-đình phong làm Tuyên-phủ-sứ có oai quyền lừng-lẫy một lúc ở vùng Phát-diệm-Ninh-Bình, ai cũng phải sợ. Người ta nói ông có cái đức giết người như rạ, không kém gì Tôn-thất Thuyết.

Cụ Phan đánh một ông cố-đạo là đánh kẻ có tội hà-hiếp người, chớ không phải bầy tỏ thâm-ý ghét đạo Thiên-chúa.

Bọn văn-thân ta lúc đó cùng có một ý nghĩ chung, cùng ôm một mối thù chung ; gặp đâu có nhà thờ là đốt phá, gặp đâu có ông « mặc áo dài thâm » là vặt râu, gọt đầu, bắt bước qua cây thánh-giá, thích chữ vào mặt, rồi giết chết. Bởi các ông văn-thân lầm tưởng phàm những người theo đạo Thiên-chúa đều là quân nội-công của người Pháp và đạo Thiên-chúa là tả-đạo hoặc người. Ấy, đời xưa từ vua đến quan, từ quan đến dân, đều tin-tưởng như thế cho nên đã gây nên không biết bao nhiêu việc lương giáo đánh giết nhau, rắc-rối lôi-thôi mãi.

Nhưng cụ Phan suy-nghĩ thế khác.

Với kẻ thân-tín, cụ vẫn thường nói : « Đạo Thiên-chúa lấy Gia-tô làm trời, cũng như Thích-ca Mâu-ni là Trời của đạo Phật hay Khổng-phu-tử là Trời của nhà Nho. Hễ ai đã tín-ngưỡng điều gì, thì điều ấy là Trời của mình. Mình muốn người ta đừng xâm-phạm đến sự tín-ngưỡng của mình, thì

mình đừng xâm-phạm đến sự tín-ngưỡng của người ta. Thiên-chúa cũng là một thứ tôn-giáo, mặc ai tin thì theo ».

Còn như thuở ấy người ta bảo giáo-dân là quân nội-công của người Pháp, thì cụ nói : « Ấy là tại nước mình hèn yếu, không có nhân tài, không có tàu bền, súng lớn, quân mạnh tướng giỏi, chớ lỗi chi ở giáo-dân. Chồn mượn oai hùm, dê đeo da cọp, ấy là thường-tình của con người ta, có lấy chi làm lạ. Xứ nào mà không có loại người hèn ấy ».

Giữa lúc nhà nho đều cố-chấp mà cụ Phan có tư-tưởng rộng lượng được thế, quả thật đạt-quan.

Có người nói bởi cụ đã có dịp gặp-gỡ đàm-luận về vấn-đề ấy với Nguyễn Trường-Tộ, một danh-sĩ ở Nghệ theo đạo Gia-tô.

Nhưng vậy mà có một giáo-sĩ cậy thế làm xằng và hiếp người bên lương thì cụ làm phận sự chăn dân, vẫn nọc kẻ ấy ra mà đánh, không tha.

Sự thật ở đời bấy giờ, ngoài ra những ông chuyên tâm giảng đạo, bất-can thế-sự ra, thật cũng có ít nhiều giáo-sĩ quá ỷ thế-lực người Pháp hùng-cường sẵn lòng bênh-vực mấy ông, rồi mấy ông được trớn làm quá giới-hạn. Họ ỷ vào thế-lực đó để giữ-gìn quyền-lợi của nhà chung và tự-do truyền giáo, đã đành là lẽ tự-nhiên rồi, nhưng có nhiều ông được trớn rồi hà-hiếp những dân vô cô. Giáo-dân lại cũng ỷ thế mấy ông cố, ông cha mình để bắt nạt anh em đồng loại bên lương. Do đó mà đôi bên sinh ra lắm sự đánh giết nghịch thù lẫn nhau. Tình-tệ như vậy, khiến cho phận-sự làm quan phụ mẫu địa-phương, bảo cụ phải trừ-tệ an dân, dù một ông cố